

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114** /2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 25 tháng 9 năm 2017.

“V/v: Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Ông Phạm Hồng Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2017/TLST - HNGĐ ngày 02/6/2017 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn P - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: TDP số 6, khu C thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh P. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn P trình bày:

Anh và chị Phạm Thị T kết hôn vào ngày 24/9/2014 có được đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, do không có con chung nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau. Đến tháng 12/2016 chị T bỏ về bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như anh P trình bày ở trên. Chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc anh P xin ly hôn chị và chị cũng đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã sống ly thân nên tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nữa. Do điều kiện công việc nên chị có đơn đề nghị xin vắng mặt.

Về con chung, về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không trình bày bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Trần Văn P và chị Phạm Thị T kết hôn với nhau ngày 24 tháng 9 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung nên thường xuyên cãi cọ nhau và cũng từ đó chị bỏ về mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên làm đơn xin ly hôn.

Sau khi anh P có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh P cho chị T. Do điều kiện chị T công việc bận nên chị đã có bản tự khai và đơn xin vắng mặt vì vậy không tiến hành hòa giải được, bản thân chị T cũng nhất trí ly hôn.

Xét thực tế cuộc hôn nhân giữa anh P và chị T thì thấy: Thực tế anh P và chị T đã sống ly thân từ lâu, cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh P có yêu cầu ly hôn và chị T cũng nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung, về tài sản, công sức đóng góp, khoản nợ: Vợ chồng đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện anh P, chị T có con chung, tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Văn P và chị Phạm Thị T.

2. Án phí: Anh Trần Văn P phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền anh P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000945 ngày 02/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Anh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Thái Hà